TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-10-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Thương
Ông Hoàng Văn Chung
- Thư ký phiên toà: Ông Triệu Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lộc Thị N - Sinh năm 1994; địa chỉ thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn T - Sinh năm 1991; địa chỉ thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 23/5/2018, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lộc Thị N trình bày: Sau khi quen biết anh Hoàng Văn T, tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 03/7/2013. Sau khi tổ chức cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ, chồng phát sinh từ tháng 11/2016 vì anh Hoàng Văn T hay giao du với bạn bè xấu, không quan tâm đến gia đình và mắc tệ nạn nghiện ma túy, rồi vi phạm pháp luật đã bị Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử và bị xử phạt 06 tháng tù giam. Đến tháng 6/2017 sau khi chấp hành xong án phạt tù trở về anh Hoàng Văn T vẫn không thay đổi, vẫn nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng không

được, vẫn ham chơi không quan tâm, chăm lo đến vợ, con. Nên từ cuối năm 2017 chị Lộc Thị đã đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn K, xã Q, huyện B và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chông không còn, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân không đạt được, chị Lộc Thị N vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị Lộc Thị N trình bày có một con chung là Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 08/5/2013, hiện con chung đang ở với chị. Nếu ly hôn chị Lộc Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh không có việc làm, thu nhập không ổn định, lại mắc nghiện ma túy và đang bị chính quyền xã H lập hồ sơ để đưa đi cai nghiện bắt buộc.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lộc Thị N trình bày không có.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2018 và tại phiên hòa giải, biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2018, lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Về thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đúng như chị Lộc Thị N đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc có một con chung. Chị Lộc Thị N nói anh không quan tâm đến vợ, con là không đúng; còn việc đi chơi anh Hoàng Văn T thừa nhận là có, nhưng chỉ thi thoảng bạn bè rủ đi chơi thì anh mới đi. Anh Hoàng Văn T cho rằng chị Lộc Thị N có ý định muốn bỏ anh, nên đã nói dối gia đình, lấy sổ hộ khẩu để làm hồ sơ đi làm công ty, nhưng thực tế là để ly hôn với anh. Từ khi chị Lộc Thị N đưa con về nhà ngoại, anh vẫn gọi điện hỏi thăm và cùng mẹ đẻ đến nói chuyện đón chị về, nhưng chị Hoàng Thị N nhất định không về. Thực tế tình cảm vợ chồng mâu thuẫn không có gì trầm trọng, anh vẫn mong muốn đoàn tụ. Nhưng nay chị Lộc Thị N nhất quyết ly hôn, thì anh cũng không níu kéo nữa, anh đồng ý ly hôn với chị Lộc Thị N, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có một con chung như chị Lộc Thị N đã trình bày, nếu phải ly hôn anh Hoàng Văn T không đồng ý để chị Lộc Thị N nuôi con. Anh yêu cầu được nuôi con và cũng không yêu cầu chị Lộc Thị N phải cấp dưỡng nuôi con. Vì từ trước đến nay con anh vẫn ở với bà nội, anh đi làm thuê thu nhập bình quân được 6.000.000đồng/tháng, hơn nữa nơi cháu học Trường Mầm non sát cạnh nhà anh đang ở, nên thuận tiện cho việc đưa đón con đi học.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Văn T khẳng định là không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Về nội dung, đề nghị công nhận việc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Lộc Thị N với anh Hoàng Văn T; về con chung, cần giao con chung là cháu Hoàng Thị Mỹ L cho chị Lộc Thị N được nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ hơn, không buộc anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị N và anh Hoàng Văn T có thời gian chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 03/7/2013 đúng luật định, nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận.

[2] Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, thấy chị Lộc Thị N cho rằng anh Hoàng Văn T hay chơi bời, không quan tâm đến vợ, con, nội dung này anh Hoàng Văn T thừa nhận có đi chơi và do bạn bèn rủ rê. Còn việc anh Hoàng Văn T vi phạm pháp luật và bị xử phạt 6 tháng tù là đúng; về việc sử dụng ma túy anh Hoàng Văn T cho rằng nay anh đã tự cai không còn sử dụng nữa, nhưng căn cứ biên bản cảm hóa giáo dục ngày 12/7/2018 của công an xã H thể hiện anh Hoàng Văn T sử dụng ma túy từ tháng 6/2017 đến nay, chính quyền địa phương đã lập biên bản và cam kết không sử dụng ma túy, hiện công an xã H đang theo dõi và lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc. Do vậy nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc là do anh Hoàng Văn T mắc nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, làm chị Lộc Thị N phải sống ly thân đã thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được.

[3] Tại phiên tòa chị Lộc Thị N vẫn giữ quan điểm và nhất quyết xin được ly hôn, còn anh Hoàng Văn T không yêu cầu đoàn tụ nữa mà cũng nhất trí đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lộc Thị N. Xét thấy việc thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không bị ép buộc, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận việc thuận tình ly hôn của chị Lộc Thị N với anh Hoàng Văn T.

[4] Về con chung: Xác định có một con chung là cháu Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 08/5/2013, các bên đương sự đều yêu cầu dành quyền được nuôi con chung. Nhưng tại phiên tòa anh Hoàng Văn T vẫn không cung cấp được chứng cứ, chứng minh các vấn đề mà Tòa án đã yêu cầu, hiện không có thu nhập ổn định, hơn nữa còn mắc nghiện sử dụng ma túy, đang bị chính quyền địa phương theo dõi lập hồ sơ để đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc. Còn hiện tại cháu Hoàng Thị Mỹ L đang ăn, ở, học tập bình thường tại Trường Mầm non xã Q, huyện Bì nơi chị Lộc Thị N sinh sống (có xác nhận của nhà trường ngày 08/9/2018). Do vậy có căn cứ giao cháu Hoàng Thị Mỹ L cho chị Lộc Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Vì chị Lộc Thị N không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con, nên anh Hoàng Văn T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lộc Thị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

[8] Về ý kiến tranh luận: Ý kiến về yêu cầu được nuôi con chung của anh Hoàng Văn T là không thực tế, không có căn cứ, chứng cứ để chấp nhận như nhận định nêu trên.

Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Lộc Thị N với với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 08/5/2013 cho chị Lộc Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lộc Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị Lộc Thị N đã nộp tại biên lai số AA/2012/02490 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- CC.THA DS H Bình Gia, T Lạng Sơn;
- UBND xã H (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Xuân Tĩnh